

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **SONG NGỮ ANH – TRUNG**

**(ENGLISH – CHINESE BILINGUAL PROGRAM)**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **NGÔN NGỮ ANH**

Mã số: **7220201**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY TẬP TRUNG**

*(Ban hành theo Quyết định số 667 /QĐ – ĐHNH ngày 08 tháng 4 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)*

### 1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Song ngữ Anh – Trung có đủ kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh tương đương C1 theo CEFR, có năng lực ngôn ngữ Trung Quốc tương đương HSK3, có kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp để làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sinh viên cũng có năng lực tự học và tự nghiên cứu ở bậc cao hơn.

### 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ theo thang đo
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	3
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	3
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	3
PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	3

<b>PLO5</b>	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	3
<b>PLO6</b>	Khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa một cách có hệ thống để phân tích và xử lý các vấn đề chuyên môn	4
<b>PLO7</b>	Khả năng vận dụng ngoại ngữ để giao tiếp, biên - phiên dịch trong lĩnh vực kinh tế, thương mại	4
<b>PLO8</b>	Khả năng nhận biết, nắm bắt và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kinh tế, thương mại	3

**3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học**

Chuẩn đầu ra		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
STT	Tên môn học								
<b>Môn học khối giáo dục đại cương</b>									
1	Triết học Mác Lênin	X	X	X					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X	X	X					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X					
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X					
6	Dẫn luận ngôn ngữ học	X	X	X					
7	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh			X	X	X			
8	Tiếng Trung Quốc 1 (tương đương HSK1)		X	X	X				
9	Tiếng Trung Quốc 2 (tương đương HSK2)		X	X	X				

10	Tiếng Trung Quốc 3 (tương đương tiền HSK3)		X	X	X				
11	Tiếng Trung Quốc 4 (tương đương HSK3)		X	X	X				
<b>Môn học tự chọn khối đại cương (chọn 1 trong 3 môn học)</b>									
12a	Cơ sở văn hoá Việt Nam	X	X	X					
12b	Logic học	X		X		X			
12c	Tâm lý học	X		X		X			
<b>Môn học khối giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>Môn học bắt buộc cơ sở ngành</b>									
13	Phát âm			X	X			X	
14	Tiếng Anh - Nghe 1 (tương đương B1)		X	X	X				
15	Tiếng Anh - Nghe 2 (tương đương B1+)		X	X	X				
16	Tiếng Anh - Nghe 3 (tương đương B2)		X	X	X				
17	Tiếng Anh - Nghe nâng cao (tương đương C1)		X	X	X				
18	Tiếng Anh - Nói 1 (tương đương B1)		X	X	X				
19	Tiếng Anh - Nói 2 (tương đương B1+)		X	X	X				
20	Tiếng Anh - Nói 3 (tương đương B2)		X	X	X				
21	Tiếng Anh - Nói nâng cao (tương đương C1)		X	X	X				
22	Tiếng Anh - Đọc 1 (tương đương B1)		X	X	X				

23	Tiếng Anh - Đọc 2 (tương đương B1+)		X	X	X				
24	Tiếng Anh - Đọc 3 (tương đương B2)		X	X	X				
25	Tiếng Anh - Đọc nâng cao (tương đương C1)		X	X	X				
26	Tiếng Anh - Viết 1 (tương đương B1)		X	X	X				
27	Tiếng Anh - Viết 2 (tương đương B1)		X	X	X				
28	Tiếng Anh - Viết 3 (tương đương C1)		X	X	X				
29	Tiếng Anh - Viết nâng cao		X	X	X				
30	Kỹ năng thuyết trình		X	X	X				
<b>Môn học tự chọn cơ sở ngành (chọn 1 trong các môn)</b>									
31a	Tiếng Trung Quốc 5		X	X	X				
31b	Ngữ pháp		X	X	X				
31c	Thực hành viết thư tín thương mại				X			X	X
<b>Môn học bắt buộc ngành</b>									
32	Ngữ âm - Âm vị học						X	X	X
33	Hình thái - Cú pháp học						X	X	X
34	Ngữ nghĩa học						X	X	X
35	Văn hóa Anh/ Văn hóa Mỹ		X				X	X	
36	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ		X				X	X	
37	Lý thuyết dịch		X				X	X	

**Môn học bắt buộc chuyên ngành**

38	Biên dịch thương mại Anh - Việt						X	X	X
39	Biên dịch thương mại Việt - Anh						X	X	X
40	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 1				X			X	X

**Môn học tự chọn ngành và chuyên ngành (chọn 2 môn trong số các môn): 41-42**

41-42a	Tiếng Trung Quốc văn phòng				X			X	X
41-42b	Tiếng Trung Quốc tài chính – ngân hàng				X			X	X
41-42c	Thư tín thương mại tiếng Trung Quốc				X			X	X
41-42d	Ngữ pháp thực hành tiếng Trung Quốc		X	X	X				
41-42e	Văn hoá giao tiếp Trung Quốc		X				X	X	
43	Học phần thực tập cuối khóa			X	X	X	X	X	X

**Học phần tốt nghiệp**

44	Học phần khóa luận tốt nghiệp		X		X	X	X	X	X
----	-------------------------------	--	---	--	---	---	---	---	---

**Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp**

44a	Phiên dịch thương mại						X	X	X
44b	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 2				X			X	X
44c	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing				X			X	X

#### **4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công việc biên phiên dịch trong các lĩnh vực phổ thông, thương mại, tài chính, ngân hàng cần sử dụng cả tiếng Anh và tiếng Trung Quốc;

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các tổ chức cần sử dụng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc, các tổng lãnh sự, cơ quan truyền thông, nhà xuất bản, công ty biên phiên dịch, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức thương mại, kinh doanh, tài chính ngân hàng;

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo khác nhau sau khi đã bổ sung kiến thức và kỹ năng sư phạm.

#### **5. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ).

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **6. Đối tượng tuyển sinh**

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

#### **8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh**

- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại) của Trường Đại học Ngoại thương;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại) của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Song ngữ Anh – Nhật) của Đại học Sư phạm Nam Kinh (Trung Quốc);

- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh dành cho sinh viên quốc tế của Đại học Sư phạm Hoa Đông (Trung Quốc).

## 9. Cách thức đánh giá

- Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

## 10. Kết cấu và nội dung chương trình

### 10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	<b>Giáo dục đại cương</b>	12	29	23.2
2	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>			
2.1	<i>Cơ sở ngành</i>	19	55	44
2.2	<i>Ngành</i>	6	20	16
2.3	<i>Chuyên ngành</i>	7	21	16.8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>44</b>	<b>125</b>	<b>100%</b>

### 10.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Môn học (Học phần)	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bổ
			Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Khác	Cộng	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>							
<b>Kiến thức bắt buộc</b>							
	Học phần Giáo dục thể chất 1	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Điền kinh là một môn thể thao bao gồm các nội dung đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; là một trong những môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta.  Đồng thời, nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và hệ	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 1

		<p>thông các cấp học ở bậc Phổ thông. Nhằm trang bị và hình thành trên cơ sở khoa học chung về sự hình thành và phát triển các hoạt động cho người học, trong đó có tính tới các đặc điểm riêng (giới tính, lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ chuẩn bị về thể lực, đặc điểm tâm lý.....);</p> <p>Trong quá trình giáo dục, giảng viên lập kế hoạch huấn luyện hướng tới sự phát triển kỹ năng, kỹ xảo vận động, các tổ chất thể lực và các phẩm chất đạo đức, phẩm chất ý chí theo hướng có chủ đích. Đồng thời, trang bị những kiến thức có liên quan đến môn học về phương pháp giúp người học có thể tự phòng tránh chấn thương; tự xây dựng kế hoạch tập luyện cho bản thân và có thể hướng dẫn cho người khác tập luyện; biết cách vượt qua những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống; rèn luyện cho người học ý thức, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và cuộc sống.</p>					
Học phần Giáo dục thể chất 2	<p>Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Thể dục thể thao (TDTT) là một trong những lĩnh vực khoa học gắn liền với đời sống con người. Tập luyện TDTT không những có thể làm cho con người tăng cường sức khỏe, phát triển cân đối toàn diện về trí tuệ, nhân cách, phẩm chất đạo đức, mà còn phát triển toàn diện các tổ chất thể lực. Có sức khỏe để nâng cao năng suất lao động, trí sáng tạo và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài ra, TDTT còn có ý nghĩa về mặt chính trị</p>	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 2	



		<p>như thúc đẩy các mối quan hệ Quốc tế, kết nối cả dân tộc trên thế giới với nhau cùng sống trong hòa bình hữu nghị.</p> <p>Điền kinh là môn thể thao có nguồn gốc lịch sử rất lâu đời, nó ra đời cùng với sự phát triển của loài người. Điền kinh là môn thể thao phong phú, đa dạng gồm nhiều nội dung như: chạy, nhảy, ném, đẩy,...tập luyện. Điền kinh không đòi hỏi phức tạp về sân bãi, dụng cụ...nên nó trở thành môn thể thao được ưa chuộng, phổ biến rộng rãi trên thế giới. Và là một trong những môn học cơ bản và quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học chuyên và không chuyên.</p> <p>Do tính đa dạng và phức tạp của kỹ thuật các môn Điền kinh, nên việc hình thành các phương pháp giảng dạy thường được dựa trên đặc điểm tự nhiên của con người, trong đó đặc điểm quan trọng là những quy luật hình thành khả năng phối hợp vận động và định hình động tác cho người học trong quá trình giảng dạy. Chỉ riêng nội dung chạy cũng có nhiều cự ly và kỹ thuật khác nhau.</p>					
	Học phần Giáo dục thể chất 3	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 1, bóng đá 1, Karate 1, quần vợt 1, bóng bàn 1, cầu lông 1.	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 3
	Học phần Giáo dục thể chất 4	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 2, bóng đá 2, Karate 2, quần vợt 2, bóng bàn 2, cầu lông 2.	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 4

VIỆT NAM

	Học phần Giáo dục thể chất 5	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 3, bóng đá 3, Karate 3, quần vợt 3, bóng bàn 3, cầu lông 3.	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 5
	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Sinh viên nắm vững các kiến thức, kỹ năng về Đường lối quốc phòng và an ninh; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				8	
1	<b>Triết học Mác Lênin</b> <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.	2	1	0	3	Học kỳ 3
2	<b>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</b> <i>Marxist-Leninist Political Economics</i>	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 4
3	<b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 5

	<i>Scientific Socialism</i>	chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.					
4	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b> <i>Ho Chi Minh Thought</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.	1	1	0	2	Học kỳ 6
5	<b>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</b> <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 7
6	<b>Dẫn luận ngôn ngữ học</b> <i>Introduction to linguistics</i>	Môn học trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu về ngoại ngữ và sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả hơn trong học tập và thực tiễn công	1	1	0	2	Học kỳ 2

		việc. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được tri thức cơ bản về bản chất, chức năng bản thể và nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy... cũng như kiến thức nền về ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng và văn tự của ngôn ngữ.					
7	<b>Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh</b> <i>An Introduction to English language</i>	Nhập môn ngành ngôn ngữ Anh là môn học mang tính chất giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan trường về Trường Đại học Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ và ngành học; trang bị những kỹ năng cần thiết để sinh viên làm quen, thích nghi và hòa nhập tốt với môi trường học tập ở bậc đại học. Môn học này còn giúp sinh viên hình thành kế hoạch phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp.	1	1	0	2	Học kỳ 1
8	<b>Tiếng Trung Quốc 1 (trương đương HSK1)</b> <i>Chinese 1</i>	Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, giảng viên hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến âm, trọng âm, ngữ điệu, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán và quy tắc bút thuận. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK1.	2	1	0	3	Học kỳ 3
9	<b>Tiếng Trung Quốc 2 (trương đương HSK2)</b> <i>Chinese 2</i>	Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện	2	1	0	3	Học kỳ 4

		tập trên lớp, giảng viên hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán và quy tắc bút thuận. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK2.					
10	<b>Tiếng Trung Quốc 3 (trương đương HSK3)</b> <i>Chinese 3</i>	Tiếng Trung Quốc 3 là môn học tổng quát, rèn luyện cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Tiếng Trung Quốc 3 có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Mỗi bài học đều cung cấp cho sinh viên những điểm ngữ pháp mới, quan trọng và một lượng từ vựng phong phú. Các hình thức luyện tập đa dạng, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống học đường được thiết kế. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK3.	2	1	0	3	Học kỳ 5
11	<b>Tiếng Trung Quốc 4 (trương đương HSK3)</b> <i>Chinese 4</i>	Tiếng Trung Quốc 4 là môn học tổng quát, rèn luyện cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Tiếng Trung Quốc 4 có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Mỗi bài học đều cung cấp cho sinh viên những điểm ngữ pháp mới, quan trọng và một lượng từ vựng phong phú. Các hình thức luyện tập đa dạng, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống học đường được thiết kế. Sau học phần	2	1	0	3	Học kỳ 6

		này, sinh viên đạt cấp độ HSK3.					
<b>Kiến thức tự chọn:</b> Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)							
12.1	<b>Cơ sở văn hóa Việt Nam</b> <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp cho sinh viên hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp những tiền đề lý luận chung về văn hóa và văn hóa học; phần thứ hai cung cấp các kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa Việt Nam. Môn học có ý nghĩa thiết thực về khoa học và hoạt động thực tiễn, giúp bổ sung những vấn đề lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam	1	1	0	2	Học kỳ 2
12.2	<b>Logic học</b> <i>Logics</i>	Logic học là môn học thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy. Môn học giúp nâng cao khả năng tư duy của người học; giúp nhận ra và tránh nguy hiểm, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề.	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 2
12.3	<b>Tâm lý học</b> <i>Psychology</i>	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 2
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>							

<b>Kiến thức bắt buộc</b>							
13	<b>Phát âm</b> <i>Pronunciation</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến âm tiết, trọng âm, ngữ điệu..., góp phần cải thiện kỹ năng nghe và nói trong thực tiễn giao tiếp. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được các ký hiệu phiên âm, hỗ trợ cho việc sử dụng tự điển trong quá trình tự học và rèn luyện.	1	2	0	3	Học kỳ 2
14	<b>Tiếng Anh - Nghe 1 (trương đương B1)</b> <i>Listening 1</i>	Tiếng Anh - Nghe 1 là môn học nhằm hướng dẫn và phát triển một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe, nói, đọc, viết. Nội dung của học phần gồm 8 đơn vị bài học bắt buộc và 6 đơn vị bài mở rộng, được chọn lọc từ tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Học phần cung cấp phương pháp nghe và bài tập luyện kỹ năng nghe có độ dài tương đối ngắn, nội dung đơn giản, thể loại đa dạng nhằm giúp cho sinh viên tiếp cận hoạt động nghe-hiểu ở nhiều tình huống khác nhau ở cấp độ tiên - trung cấp. Học phần cũng giúp phát triển vốn từ vựng tiếng Anh tổng quát cũng như trong lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả nghe - hiểu cho sinh viên.	1	2	0	3	Học kỳ 1
15	<b>Tiếng Anh - Nghe 2 (trương đương B1+)</b> <i>Listening 2</i>	Tiếng Anh - Nghe 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe cho sinh viên trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 8 đơn vị bài học bắt buộc và 6 đơn vị bài mở rộng, được chọn lọc từ tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Học phần tiếp tục cung cấp phương pháp nghe và bài tập luyện	1	2	0	3	Học kỳ 2

		kỹ năng nghe ở cấp độ trung cấp - trung cao cấp. Khi nghe, sinh viên có thể nhận biết nguyên nhân, kết quả hoặc sắp xếp được thông tin từ các chuỗi sự kiện. Học phần cũng tiếp tục giúp phát triển vốn từ vựng tiếng Anh tổng quát cũng như trong lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả nghe-hiểu cho sinh viên.					
16	<b>Tiếng Anh - Nghe 3 (tương đương B2)</b> <i>Listening 3</i>	Tiếng Anh - Nghe 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe cho sinh viên trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 8 đơn vị bài học bắt buộc và 6 đơn vị bài mở rộng, được chọn lọc từ tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Học phần tiếp tục cung cấp phương pháp nghe và bài tập luyện kỹ năng nghe ở cấp độ tiên cao cấp. Khi nghe, sinh viên có thể dự đoán tình huống, kết quả và suy luận một cách logic nội dung nghe. Học phần cũng tiếp tục giúp phát triển vốn từ vựng tiếng Anh trong cả lĩnh vực học thuật và kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả nghe - hiểu cho sinh viên.	1	2	0	3	Học kỳ 3
17	<b>Tiếng Anh - Nghe nâng cao (tương đương C1)</b> <i>Advanced Listening</i>	Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe hiểu các bài nghe tiếng Anh với các chủ đề đa dạng ở cấp độ tương đương C1 theo chuẩn CEFR. Khi nghe, sinh viên có thể lĩnh hội đầy đủ nội dung và suy luận chính xác hàm ý của các bài hội thoại. Môn học cũng tiếp tục trang bị thêm kiến thức ngôn ngữ và phát triển từ vựng nhằm nâng cao hiệu quả nghe hiểu cho sinh viên.	1/2	3/2	0	2	Học kỳ 4



18	<b>Tiếng Anh - Nói 1 (tương đương B1)</b> <i>Speaking 1</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng đơn giản trong môi trường giao tiếp kinh doanh. Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các kỹ năng tiếng Anh ở mức độ trung cấp – tự giới thiệu bản thân, cho ý kiến cá nhân về các chủ đề đơn giản, vận dụng các mẫu câu cho sẵn vào các mẫu đối thoại rất ngắn và đơn giản.	1	2	0	3	Học kỳ 1
19	<b>Tiếng Anh - Nói 2 (tương đương B1+)</b> <i>Speaking 2</i>	Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói từ cấp độ trung cấp đến trung cao cấp với việc tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập kỹ nói - diễn đạt ý kiến cá nhân về các chủ đề trong công việc, tổng hợp và báo cáo thông tin thu thập được, làm quen với hình thức nhóm nhỏ. Môn học cung cấp cho sinh viên bài tập luyện nói với độ dài và độ khó trung bình, lượng từ vựng từ trung cấp đến trung cao cấp.	1	2	0	3	Học kỳ 2
20	<b>Tiếng Anh - Nói 3 (tương đương B2)</b> <i>Speaking 3</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng ở trình độ tiền từ trung cao cấp đến tiền cao cấp trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng nói – diễn đạt quan điểm về các mối quan hệ, vận dụng ngôn ngữ vào các bài thuyết trình, thương thảo, hay hội nghị, thảo luận theo nhóm và giải quyết các mâu thuẫn theo chủ đề. Môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen tự tư duy và sử dụng cấu trúc đúng trong các tình huống có thật trong cuộc sống.	1	2	0	3	Học kỳ 3
21	<b>Tiếng Anh - Nói nâng cao</b>	Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ	1/2	3/2	0	2	Học kỳ 4

	<b>(tương đương C1) Advanced Speaking</b>	năng nói thông qua các tình huống đa dạng tương đương cấp độ C1 theo chuẩn CEFR. Sinh viên luyện tập các hoạt động tranh luận và bảo vệ quan điểm cá nhân, xử lý tình huống phát sinh trong giao tiếp, phản biện ý kiến, đánh giá... Môn học cũng tiếp tục trang bị kiến thức ngôn ngữ và phát triển từ vựng nhằm nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên.					
22	<b>Tiếng Anh - Đọc 1 (tương đương B1) Reading 1</b>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc-hiểu các bài đọc ngắn bằng tiếng Anh ở trình độ sơ - trung cấp (A2), đề cập đến những vấn đề tổng thể trong kinh doanh, thương mại, tâm lý, công nghệ, khoa học, môi trường, và sức khỏe cộng đồng. Sinh viên được hướng dẫn, thực hành 2 kỹ năng đọc - hiểu: kỹ năng nắm được các ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; kỹ năng nắm bắt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc. Môn học góp phần cải thiện vốn từ vựng, kỹ năng đọc-hiểu, cung cấp thông tin góp phần cải thiện các kỹ năng nghe - nói - viết trong thực tiễn giao tiếp	1	2	0	3	Học kỳ 1
23	<b>Tiếng Anh- Đọc 2 (tương đương B1+) Reading 2</b>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu các bài đọc bằng tiếng Anh ở trình độ trung cấp đề cập đến những vấn đề trong xã hội, môi trường, tâm lý, công nghệ, sức khỏe, kinh doanh, và giáo dục. Sinh viên được hướng dẫn, thực hành các kỹ năng đọc - hiểu: kỹ năng nắm được các ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; kỹ năng nắm bắt các thông tin chi tiết liên quan	1	2	0	3	Học kỳ 2

		đến bài đọc, đọc hiểu các bảng biểu, ghi chú, phân biệt sự kiện và ý kiến trong bài đọc. Môn học góp phần cải thiện vốn từ vựng, kỹ năng đọc - hiểu, cung cấp thông tin góp phần cải thiện các kỹ năng nghe - nói - viết trong thực tiễn giao tiếp.					
24	<b>Tiếng Anh - Độc 3 (trương đương B2)</b> <i>Reading 3</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu các bài đọc bằng tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp (B2) đề cập đến những vấn đề trong xã hội, khoa học hành vi, tâm lý, công nghệ, giáo dục, địa chất, và kỹ thuật. Sinh viên đã có thể đọc - hiểu tương đối tốt các bài báo, bài nghiên cứu dài. Các em có thể nắm được các ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; kỹ năng nắm bắt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc. Môn học góp phần nâng cao vốn từ vựng, kỹ năng đọc-hiểu, cung cấp thông tin góp phần củng cố các kỹ năng nghe - nói - viết trong thực tiễn giao tiếp.	1	2	0	3	Học kỳ 3
25	<b>Tiếng Anh - Độc nâng cao (trương đương C1)</b> <i>Advanced Reading</i>	Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các bài đọc tiếng Anh với các chủ đề đa dạng ở cấp độ tương đương C1 theo chuẩn CEFR. Sinh viên có thể đọc hiểu nhanh các bài báo; tìm nhanh được các ý chính, và nắm bắt tốt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc. Môn học cũng tiếp tục trang bị thêm kiến thức ngôn ngữ và phát triển từ vựng nhằm nâng cao hiệu quả đọc hiểu cho sinh viên.	1/2	3/2	0	2	Học kỳ 4
26	<b>Tiếng Anh - Viết 1 (trương đương B1)</b>	Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết câu bằng tiếng Anh với đầy đủ ý nghĩa và chính xác về mặt	1	2	0	3	Học kỳ 1

	<i>Writing 1</i>	ngữ pháp. Sinh viên được hướng dẫn cụ thể các thành phần cơ bản tạo thành một câu và cách thức sắp xếp ý trong một câu sao cho chặt chẽ, hợp lý. Trong suốt học phần, sinh viên có nhiều cơ hội nâng cao vốn từ vựng qua việc viết câu theo nhiều chủ đề học thuật khác nhau. Qua đó, khả năng viết câu được cải thiện và phát triển nhằm giúp sinh viên có nền tảng viết câu vững chắc cho các học phần Viết tiếp theo.					
27	<b>Tiếng Anh - Viết 2 (trung đương B2)</b> <i>Writing 2</i>	Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một đoạn văn học thuật khoảng 120-150 từ bằng tiếng Anh thông qua những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Sinh viên được hướng dẫn cụ thể quy trình viết một đoạn văn, các yếu tố cần thiết của một đoạn văn cũng như cách thức phát triển ý đoạn văn đó sao cho chặt chẽ, hợp lý và có tính thuyết phục nhằm tạo nền tảng vững chắc cho các học phần Viết tiếp theo.	1	2	0	3	Học kỳ 2
28	<b>Tiếng Anh - Viết 3 (trung đương C1)</b> <i>Writing 3</i>	Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một bài luận gồm 4 đoạn cơ bản. Sinh viên sẽ được hướng dẫn chi tiết cấu trúc một bài luận, cách tạo dàn ý và cách viết các đoạn mở bài, thân bài, và kết luận. Sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng phát triển ý trong mỗi đoạn sao cho ý diễn đạt chặt chẽ, hợp lý và có tính thuyết phục. Sinh viên được tạo điều kiện để có thể thực hành viết các bài luận thuộc nhiều thể loại khác nhau như phân tích quy trình, so sánh, nêu nguyên nhân- kết quả ở những chủ đề quen thuộc.	1	2	0	3	Học kỳ 4

29	<b>Tiếng Anh - Viết nâng cao</b> <i>Advanced Writing</i>	Môn học trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh kiến thức về các bước thực hiện và trình bày một bài nghiên cứu khoa học khoảng 3000 từ: chọn đề tài và giới hạn đề tài; tìm và thu thập tài liệu; viết đề cương nghiên cứu; đọc và ghi chép tài liệu; trình bày nội dung và dẫn chứng tài liệu; trình bày phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu.	2	2	0	4	Học kỳ 5
30	<b>Kỹ năng thuyết trình</b> <i>Presentation Skills</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm Cơ sở Ngành, bao gồm 9 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình trong các buổi họp, các hội nghị, hội thảo trong lĩnh vực thương mại. Sinh viên được trang bị các nguyên tắc trong thuyết trình: tính thời gian, phân tích khán giả, chuẩn bị nội dung phù hợp, cấu trúc cần thiết để chuyển tiếp từ phần này sang phần khác, kỹ năng xử lý câu hỏi của khán giả.	1/2	5/2	0	3	Học kỳ 3
<b>Kiến thức tự chọn:</b> Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau							
31.1	<b>Tiếng Trung Quốc 5</b> <i>Chinese 5</i>	Tiếng Trung Quốc 5 là môn học tổng quát, rèn luyện cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tiếng Trung Quốc 5 có 5 bài, mỗi bài bao gồm 3 bài hội thoại và 2 đoạn văn ngắn, từ vựng, ngữ pháp, đặc biệt có thêm phần so sánh - phân tích các cặp từ gần nghĩa, chú thích về văn hóa, bài tập từ vựng và bài đọc thêm. Các hình thức luyện tập đa dạng, giúp sinh viên củng cố, vận dụng được kiến thức đã học. Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trình bày, lập	2	1	0	3	Học kỳ 6

		luận quan điểm, ý kiến cá nhân của mình liên quan đến các vấn đề trong cuộc sống.					
31.2	<b>Thực hành viết thư tín thương mại</b> <i>Business Correspondence</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm Cơ sở ngành, bao gồm 6 chương nội dung. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết cần thiết trong lĩnh vực thương mại: kỹ thuật viết thư từ giao dịch thương mại thuộc nhiều thể loại khác nhau như thư, email, báo cáo, thông báo, đơn từ, v.v. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên cách xử lý các văn bản giao dịch thương mại thông thường.	1/2	5/2	0	3	Học kỳ 6
31.3	<b>Ngữ pháp</b> <i>Grammar</i>	Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên củng cố một số điểm ngữ pháp thường gặp trong giao dịch thương mại. Sinh viên được mở rộng kiến thức về ngữ pháp và những chức năng ngôn ngữ, từ đó sinh viên sẽ đạt độ chính xác cao khi sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp trong các tình huống giao tiếp và làm quen với tiếng Anh thương mại.	1	2	0	3	Học kỳ 6
<b>Kiến thức ngành</b>							
<b>Kiến thức bắt buộc</b>							
32	<b>Ngữ âm – Âm vị học</b> <i>Phonetics - Phonology</i>	Khóa học này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh kiến thức cơ bản về hệ thống âm của tiếng Anh và cách sử dụng chúng. Các chủ đề của môn học này có liên quan đến một số môn lý thuyết tiếng khác. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên hiểu thêm về cách phát âm đúng không chỉ ở cấp độ âm tiết riêng lẻ mà còn ở các cấp độ phức tạp hơn như trọng âm, ngữ điệu, v.v...	3/2	1/2	0	2	Học kỳ 4
33	<b>Hình thái- Cú pháp học</b>	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về hình thái học	2	1	0	3	Học kỳ 5

	<i>Morphology-Syntax</i>	và cú pháp học tiếng Anh, hai yếu tố căn bản tạo nên ngữ pháp của một ngôn ngữ. Kiến thức về hình thái học giúp người học hiểu về cấu trúc từ và các đơn vị ý nghĩa khác của từ. Cú pháp học bao gồm kiến thức về cấu trúc câu gồm cách thức từ tạo thành cụm từ, cụm từ tạo thành mệnh đề và câu, cách thức mệnh đề kết hợp tạo thành câu. Học phần cũng giúp sinh viên cải thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong đọc hiểu, viết, nói và dịch thuật tiếng Anh.					
34	<b>Ngữ nghĩa học</b> <i>Semantics</i>	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Ngữ nghĩa học bao gồm kiến thức về nghĩa, mối quan hệ về nghĩa, phương pháp phân tích các thành tố nghĩa, giải thích các hiện tượng về nghĩa (đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm,...) và logic. Từ đó, sinh viên biết sử dụng ngôn ngữ hiệu quả với độ tường minh, chính xác và logic cao.	1	1	0	2	Học kỳ 6
35	Sinh viên chọn 1 trong 2 môn học sau:						
	<b>Văn hóa Anh hoặc Văn hóa Mỹ/</b> <i>British Culture/ American Culture</i>	Có kiến thức về đặc trưng và sự hình thành nét đặc trưng văn hóa của người Anh và người Mỹ. Giải thích được các vấn đề, hiện tượng xã hội ở Anh và Mỹ trong mối quan hệ với những nền tảng văn hóa cơ bản.	1	1	0	2	Học kỳ 5
36	<b>Dẫn luận văn học Anh - Mỹ</b> <i>Introduction to British and American Literature</i>	Chương trình học giới thiệu nền văn học tiếng Anh qua các giai đoạn chính như: văn học Anh tiền Trung Cổ (Old English Literature), văn học Anh thời Trung Cổ (Medieval Literature) v.v. cho đến văn học thế kỷ 20, trong đó bao gồm cả dòng văn học Mỹ. Trong đó, qua một số thời kỳ nổi bật, sinh	9/5	6/5	0	3	Học kỳ 7

		viên sẽ được giới thiệu những nét chính về bối cảnh xã hội, đặc điểm văn học với một số trào lưu văn học nổi bật và các tác giả cùng các tác phẩm tiêu biểu. Ngoài ra, giảng viên và sinh viên cùng phân tích một số tác phẩm minh họa cho một số giai đoạn sáng tác quan trọng để qua đó, sinh viên làm quen phương pháp nghiên cứu một tác phẩm dựa trên các yếu tố bên ngoài tác phẩm như bối cảnh xã hội-thời đại, trào lưu văn học, hoàn cảnh sáng tác, tiểu sử tác giả v.v. hay các yếu tố bên trong tác phẩm như: bối cảnh, bố cục, nghệ thuật ngôn ngữ v.v...					
37	<b>Lý thuyết dịch</b> <i>Theory of Translation</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm ngành/ chuyên ngành, bao gồm 6 chương nội dung. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, bao gồm các thuật ngữ dịch thuật thông dụng và một số phương pháp, kỹ thuật biên dịch căn bản... làm tiền đề để thực hành dịch ở các học phần tiếp theo. Ngoài ra, sinh viên tiếp nhận một hình ảnh tổng quan về những đặc trưng của tiếng Anh, với tư cách là ngôn ngữ nguồn, trong tương quan với tiếng Việt, với tư cách là ngôn ngữ đích.	1	1	0	2	Học kỳ 4
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>							
<b>Kiến thức bắt buộc</b>							
38	<b>Biên dịch thương mại Anh – Việt</b> <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm ngành/ chuyên ngành, bao gồm 9 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên vận dụng các nguyên tắc và kỹ thuật biên dịch đã học ở học phần trước. Sinh viên được cung cấp các bài tập thực hành về các bản dịch Anh - Việt và được yêu cầu xác	1/2	5/2	0	3	Học kỳ 5



		định những lỗi khiếm khuyết trên bản dịch đó dựa vào kiến thức đã học. Từ đó, sinh viên thực hành chuyển ngữ hiệu quả một số văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt, nhất là các văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại.					
39	<b>Biên dịch thương mại Việt – Anh</b> <i>Vietnamese-English Business Translation</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm ngành/ chuyên ngành, bao gồm 9 chương nội dung. Đây là Môn học tiếp nối của môn Thực hành biên dịch thương mại Anh - Việt nhằm tiếp tục hoàn thiện kỹ năng dịch văn bản viết cho sinh viên, cụ thể là khả năng tìm được những mẫu câu và nét nghĩa tiếng Anh tương thích cho các văn bản kinh tế, thương mại bằng tiếng Việt. Qua các bài tập luyện dịch, một vài khó khăn đặc trưng của công tác chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh sẽ được đem ra phân tích, chẳng hạn như việc dịch tiêu đề của các tờ báo, dịch số liệu, dịch tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo trong hệ thống hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam sang tiếng Anh.	1/2	5/2	0	3	Học kỳ 6
40	<b>Tiếng Trung Quốc kinh doanh 1</b> <i>Business Chinese 1</i>	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 1 gồm 8 bài, mỗi bài gồm 2 bài khóa, từ vựng, cấu trúc câu, phụ lục là các giấy tờ, biểu mẫu thực tế có liên quan khi công tác ở Trung Quốc. Các bài học trong môn học xoay quanh các tình huống giao tiếp kinh doanh khi đi công tác nước ngoài như các thủ tục nhập cảnh tại sân bay, check in khách sạn, sắp xếp làm việc và gặp mặt đối tác, tư vấn sản phẩm, đàm phán giá cả, tham quan nhà máy v.v Sau môn học này, sinh viên có thể tích lũy một lượng từ và mẫu câu nhất	2	1	0	3	Học kỳ 6

		định để giao tiếp trong các tình huống trong bài học.					
41	<b>Học phần Thực tập cuối khóa</b> <i>Internship</i>	Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, kinh doanh, thương mại tại các tổ chức tài chính hoặc phi tài chính. Thông qua học phần này, sinh viên ứng dụng kiến thức đã được học vào công việc, nhiệm vụ cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội bổ sung kiến thức, và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết tại môi trường làm việc thực tế.	0	3	0	3	Học kỳ 8
42.1	<b>Học phần Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Research Paper</i>	Sinh viên năm cuối đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp có thể đăng ký thực hiện một đề tài thuộc ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Song ngữ Anh – Trung, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên có kinh nghiệm do khoa chỉ định. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu và quy trình thực hiện một khóa luận tốt nghiệp, từ việc chọn đề tài, thiết kế đề cương, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như trình bày và bảo vệ đề tài trước hội đồng. Qua học phần, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.	0	9	0	9	Học kỳ 8
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>							
42.2	<b>Phiên dịch thương mại</b>	Đây là môn học thuộc nhóm môn thay thế khóa luận tốt nghiệp, bao	1/2	5/2	0	3	Học kỳ 8

	<i>Business Interpretation</i>	gồm 9 chương nội dung. Môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về ngành phiên dịch (dịch nói), bao gồm các loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch căn bản. Sinh viên bước đầu luyện tập các kỹ năng phiên dịch cần thiết trên nền ngữ liệu là các tình huống giao dịch đàm phán thương mại hoặc các bản tin kinh tế (Anh→ Việt; Việt→ Anh). Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cũng như xây dựng cho sinh viên vốn kiến thức chuyên ngành ngày một sâu rộng hơn.					
42.3	<b>Tiếng Trung Quốc kinh doanh 2</b> <i>Business Chinese 2</i>	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 2 gồm 8 bài, mỗi bài gồm 2 bài khóa, từ vựng, cấu trúc câu, phụ lục là các giấy tờ, biểu mẫu thực tế trong kinh doanh như đơn đặt hàng, giấy chứng nhận đại lý độc quyền, ngày hội doanh nghiệp, quảng cáo sản phẩm .v.v. Các bài học trong môn học xoay quanh các tình huống giao tiếp kinh doanh, cụ thể trong xúc tiến thương mại như Quảng cáo và đẩy mạnh việc bán hàng, hội chợ thương mại, khảo sát tại khu công nghiệp, kí kết hợp đồng, phỏng vấn tuyển dụng .v.v. Sau môn học này, sinh viên có thể tích lũy một lượng từ và mẫu câu nhất định để giao tiếp trong các tình huống trong bài học.	2	1	0	3	Học kỳ 8
42.4	<b>Tiếng Anh chuyên ngành marketing</b> <i>English for Marketing</i>	Đây là môn học tự chọn thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, bao gồm 5 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh kiến thức khái quát cũng như lượng từ vựng đáng kể liên quan	1	2	0	3	Học kỳ 8

		lĩnh vực Marketing. Đồng thời, sinh viên được mở rộng kiến thức về các kỹ năng tiếng trong môi trường Marketing trong các hoạt động thảo luận cặp, nhóm, thuyết trình về các chủ đề liên quan đến nội dung bài học. Từ đó sinh viên sẽ đạt độ chính xác cao khi sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp trong các tình huống Marketing.					
<b>Kiến thức tự chọn:</b> sinh viên chọn 2 học phần trong số các học phần sau							
43	<b>Tiếng Trung Quốc văn phòng</b> <i>Chinese for office</i>	Tiếng Trung Quốc văn phòng gồm 12 bài, mỗi bài gồm 2 bài hội thoại và 1 đoạn văn ngắn. Mỗi bài đều nêu rõ mục tiêu học tập, từ vựng, mẫu câu, bài khóa, tình huống giao tiếp, hoạt động luyện tập và thành ngữ, quán ngữ thường dùng trong tiếng Trung Quốc. Các chủ đề trong bài xoay quanh trong giao tiếp văn phòng. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể tích lũy được khoảng 300 từ vựng và 81 mẫu câu có liên quan, sử dụng tiếng Trung Quốc giao tiếp cơ bản cho các công việc vị trí trợ lý, thư ký văn phòng.	2	1	0	3	Học kỳ 7
44	<b>Tiếng Trung Quốc tài chính - ngân hàng</b> <i>Chinese for Banking and Finance</i>	Tiếng Trung Quốc tài chính – ngân hàng là môn học cung cấp cho sinh viên từ vựng, mẫu câu sử dụng trong các tình huống giao tiếp về giao dịch tại quầy, gửi tiết kiệm, vay tiêu dùng cá nhân, vay khách hàng công ty, nghiệp vụ ngoại hối, dịch vụ thẻ... Các hình thức luyện tập đa dạng, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống giả định.	2	1	0	3	Học kỳ 7
45	<b>Thư tín thương mại tiếng Trung Quốc</b>	Thư tín thương mại tiếng Trung Quốc là môn học hướng dẫn sinh viên viết các thể loại thư tín tiếng	2	1	0	3	Học kỳ 7

	<i>Chinese Business Correspondence</i>	Trung Quốc cơ bản thường sử dụng trong lĩnh vực thương mại, như xây dựng quan hệ, hỏi giá, báo giá, trả giá, đặt hàng, thực hiện hợp đồng, bồi thường... Qua môn học, sinh viên có thể tự soạn thảo các thư tín bằng tiếng Trung Quốc ở cấp độ cơ bản.					
46	<b>Ngữ pháp thực hành tiếng Trung Quốc</b> <i>Practical Chinese Grammar</i>	Ngữ pháp thực hành tiếng Trung Quốc là môn học hệ thống hoá các kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc mà sinh viên đã được học trong các học phần tiếng Trung Quốc trước đây. Thông qua các bài tập thực hành, môn học sẽ giúp sinh viên nhận biết được tính chính xác về ngữ pháp, phát hiện lỗi sử dụng ngữ pháp. Từ đó, sinh viên có thể nhận thức được tầm quan trọng của ngữ pháp và có ý thức sử dụng chính xác ngữ pháp tiếng Trung Quốc.	1	2	0	3	Học kỳ 7
47	<b>Văn hóa giao tiếp Trung Quốc</b> <i>Chinese Communication Culture</i>	Văn hoá giao tiếp Trung Quốc là môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc, đặc biệt là văn hoá giao tiếp trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Qua đó, giúp sinh viên tránh được những xung đột liên văn hoá trong công việc sau này.	1	2	0	3	Học kỳ 7

## 11. Kế hoạch đào tạo

### 11.1. Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/ song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ELI308	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ <i>An Introduction to English language</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
2	ENS301	Tiếng Anh - Nghe 1 (tương đương B1)/ <i>Listening 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
3	ENS302	Tiếng Anh - Nói 1 (tương đương B1)/ <i>Speaking 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
4	ENS303	Tiếng Anh - Đọc 1 (tương đương B1)/ <i>Reading 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
5	ENS304	Tiếng Anh - Viết 1 (tương đương B1)/ <i>Writing 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh

### 11.2. Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ELI302	Phát âm/ <i>Pronunciation</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
2	ENS305	Tiếng Anh - Nghe 2 (tương đương B1+)/ <i>Listening 2</i>	3	Tiếng Anh - Nghe 1	BB	Tiếng Anh
3	ENS306	Tiếng Anh - Nói 2 (tương đương B1+)/ <i>Speaking 2</i>	3	Tiếng Anh - Nói 1	BB	Tiếng Anh
4	ENS307	Tiếng Anh - Đọc 2 (tương đương B1+)/ <i>Reading 2</i>	3	Tiếng Anh - Đọc 1	BB	Tiếng Anh
5	ENS308	Tiếng Anh - Viết 2 (tương đương B2)/ <i>Writing 2</i>	3	Tiếng Anh - Viết 1	BB	Tiếng Anh
6	ELI307	Dẫn luận ngôn ngữ học/ <i>Introduction to linguistics</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt

7		Học phần tự chọn đại cương	2	Không	TC	Tiếng Việt
---	--	----------------------------	---	-------	----	------------

### 11.3. Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ENS309	Tiếng Anh - Nghe 3 (tương đương B2)/ <i>Listening 3</i>	3	Tiếng Anh - Nghe 2	BB	Tiếng Anh
2	ENS310	Tiếng Anh - Nói 3 (tương đương B2)/ <i>Speaking 3</i>	3	Tiếng Anh - Nói 2	BB	Tiếng Anh
3	ENS311	Tiếng Anh - Đọc 3 (tương đương B2)/ <i>Reading 3</i>	3	Tiếng Anh - Đọc 2	BB	Tiếng Anh
4	ENS347	Kỹ năng thuyết trình/ <i>Presentation Skills</i>	3	Tiếng Anh - Nghe 2, Tiếng Anh - Nói 2	BB	Tiếng Anh
5	CNL306	Tiếng Trung Quốc 1 (tương đương HSK1)/ <i>Chinese 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Trung Quốc
6	MLM306	Triết học Mác Lênin/ <i>Marxist- Leninist Philosophy</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

### 11.4. Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ENS312	Tiếng Anh - Viết 3 (tương đương C1)/ <i>Writing 3</i>	3	Tiếng Anh - Viết 2	BB	Tiếng Anh
2	ENP710	Tiếng Anh - Nghe nâng cao (tương đương C1)/ <i>Advanced Listening</i>	2	Tiếng Anh - Nghe 3	BB	Tiếng Anh
3	ENP709	Tiếng Anh - Nói nâng cao (tương đương C1)/ <i>Advanced Speaking</i>	2	Tiếng Anh- Nói 3	BB	Tiếng Anh
4	ENP708	Tiếng Anh - Đọc nâng cao (tương đương C1)/ <i>Advanced Reading</i>	2	Tiếng Anh - Đọc 3	BB	Tiếng Anh

5	CNL307	Tiếng Trung Quốc 2 (tương đương HSK2)/ <i>Chinese 2</i>	3	Tiếng Trung Quốc 1	BB	Tiếng Trung Quốc
6	ENB322	Lý thuyết dịch/ <i>Theory of Translation</i>	2	Tiếng Anh - Đọc 3	BB	Tiếng Việt
7	ELI303	Ngữ âm - Âm vị học/ <i>Phonetics - Phonology</i>	2	Phát âm	BB	Tiếng Việt
8	MLM307	Kinh tế chính trị Mác Lênin/ <i>Marxist Leninist Political Economics</i>	2	Triết học Mác Lênin	BB	Tiếng Việt

### 11.5. Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	BB	Tiếng Việt
2	ENP711	Tiếng Anh - Viết nâng cao/ <i>Advanced Writing</i>	4	Tiếng Anh - Viết 3	BB	Tiếng Anh
3	ELT304	Hình thái - Cú pháp học/ <i>Morphology-Syntax</i>	3	Ngữ âm - Âm vị học	BB	Tiếng Anh
4	SOC306 / SOC307	Văn hóa Anh/ Văn hóa Mỹ Mỹ/ <i>British Culture/ American Culture</i>	2	Tiếng Anh - Nghe 3, Tiếng Anh - Đọc 3	BB	Tiếng Anh
5	CNL308	Tiếng Trung Quốc 3 (tương đương HSK3)/ <i>Chinese 3</i>	3	Tiếng Trung Quốc 2	BB	Tiếng Trung Quốc
6	ENB320	Biên dịch thương mại Anh - Việt/ <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	3	Lý thuyết dịch	BB	Tiếng Anh

### 11.6. Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh Thought</i>	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	Tiếng Việt



2	CNL313	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 1/ <i>Business Chinese 1</i>	3	Tiếng Trung Quốc 4	BB	Tiếng Trung Quốc
3	CNL309	Tiếng Trung Quốc 4 (trương đương HSK3)/ <i>Chinese 4</i>	3	Tiếng Trung Quốc 3	BB	Tiếng Trung Quốc
4	ENB321	Biên dịch thương mại Việt - Anh/ <i>Vietnamese- English Business Translation</i>	3	Thực hành biên dịch thương mại Anh - Việt	BB	Tiếng Anh
5	ELI305	Ngữ nghĩa học/ <i>Semantics</i>	2	Hình thái- Cú pháp học	BB	Tiếng Anh
6		Các học phần tự chọn cơ sở ngành	3		TC	

### 11.7. Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	Tiếng Việt
2	SOC309	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ/ <i>Introduction to British and American Literature</i>	3	Văn hóa Anh/ Văn hóa Mỹ	BB	Tiếng Anh
3		Các học phần tự chọn ngành/ chuyên ngành	6		TC	Tiếng Anh

### 11.8. Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần/ tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	INT307	Học phần Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
2	REP307	Học phần Khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>						
2.1	CNL314	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 2/ <i>Business Chinese 2</i>	3	Tiếng Trung Quốc kinh doanh 1	BB	Tiếng Trung Quốc

2.2	ENB305	Phiên dịch thương mại/ <i>Business Interpretation</i>	3	Biên dịch thương mại Anh - Việt	BB	Tiếng Anh
2.3	ENP320	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing/ <i>English for Marketing</i>	3		BB	Tiếng Anh

## 12. Hướng dẫn thực hiện

### 12.1. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:

Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các học phần thay thế phải có tổng số tín chỉ tương đương là 9 tín chỉ.

### 12.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng:

Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành) không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

### 12.3. Chuẩn tin học đầu ra:

Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp hoặc các chứng chỉ tin học khác tương đương theo thông báo của Trường. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung